

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thành Trại.
- Ông Nguyễn Văn Y.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 671/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Thanh X** – sinh năm 1986;

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

* **Bị đơn:** Anh **Võ Ngọc T** – sinh năm 1985;

Địa chỉ: **Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

(Chị **X** có mặt tại phiên tòa;

A không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải không được nguyên đơn chị **Trần Thị Thanh X** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh **T** cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh **Tiền Giang**. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống với nhà cha mẹ chồng được 02 tháng thì về ở chung với nhà của cha mẹ chị ở xã **L**, huyện **C**, tỉnh **Tiền Giang**. Quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ nhau và anh **T** thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc. Mâu thuẫn của vợ chồng chị ngày càng trầm trọng nên anh chị đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh **T**.

- Về con chung: Có 02 con chung sinh đôi tên **Võ Ngọc Kim Y** – sinh ngày 12/9/2013 và **Võ Ngọc Kim T1** – sinh ngày 12/9/2013, hiện nay chị đang nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh **T** không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Bị đơn anh **T** không có văn bản trình bày ý kiến.

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị **X** vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh **T**. Về con chung, chị **X** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **X** đối với anh **T**. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung của chị **X** và buộc anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung, chị **X** trình bày giữa chị và anh **T** không có tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **X** yêu cầu được ly hôn với anh **T** và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh **T** khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn anh **Thanh vắng m** không tham gia hòa giải và không tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải;

Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh **T**.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **X** đối với anh **T**, Hội đồng xét xử xét thấy chị **X** và anh **T** tự nguyện cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **C**, tỉnh **Tiền Giang** nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và anh **T** thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc nên vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi, gây gổ nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **X** và anh **T** đã có thời gian ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn. Đồng thời anh **T** không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **X** chứng tỏ anh **T** không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **X**. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **X** và anh **T** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **X** đối với anh **T**.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị **X** và anh **T** có 02 con chung sinh đôi tên **Võ Ngọc Kim Y** – sinh ngày 12/9/2013 và **Võ Ngọc Kim T1** – sinh ngày 12/9/2013. Khi ly hôn chị **X** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu **Y** và cháu **T1** có nguyện vọng được sống với chị **X** khi chị **X** và anh **T** ly hôn, đồng thời trong thời gian chị **X** và anh **T** ly thân thì cả 02 con chung do chị **X** nuôi dưỡng, để đảm bảo điều kiện cho cháu **Y** và cháu **T1** phát triển đầy đủ về mặt thể chất, tinh thần và học tập nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung của chị **X**.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **X** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, khi ly hôn anh **T** không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường nên anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu theo quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật hôn nhân gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị **X** và buộc anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **X** trình bày giữa chị và anh **T** không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Chị **X** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh **T** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Trần Thị Thanh X** đối với anh **Võ Ngọc T**

Chị **Trần Thị Thanh X** được ly hôn với anh **Võ Ngọc T**

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của **X**. Giao con chung tên **Võ Ngọc Kim Y** – sinh ngày 12/9/2013 và **Võ Ngọc Kim T1** – sinh ngày 12/9/2013 cho chị **X** tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 05/2024 cho đến khi cháu **Y** và cháu **T1** đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị **X** có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh **T** không thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung thì anh **T** còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh **T** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Về án phí: Chị **X** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0010570 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị **X** đã thi hành xong.

Anh **T** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về quyền kháng cáo: Chị **X** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **T** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh